

Số: /QĐ-BNN-KHCN

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ
(đợt 2) bắt đầu thực hiện từ năm 2025

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 18/2015/TT-BNNPTNT ngày 24/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BNNPTNT ngày 31/12/2021 sửa đổi một số điều của Thông tư số 18/2015/TT-BNNPTNT ngày 24/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ các Biên bản họp Hội đồng tư vấn xây dựng danh mục đặt hàng nhiệm vụ KHCN cấp Bộ bắt đầu thực hiện từ năm 2025 theo Quyết định số 1254/QĐ-BNN-KHCN ngày 6/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục đặt hàng các đề tài khoa học và công nghệ và đề tài khoa học và công nghệ tiềm năng cấp Bộ (đợt 2) bắt đầu thực hiện từ năm 2025 (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì hướng dẫn và tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp đơn vị chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện các đề tài KH&CN, đề tài KH&CN tiềm năng cấp Bộ trong danh mục tại Điều 1, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét phê duyệt theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHCN (KTD.5bản).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phùng Đức Tiến

Phụ lục:

DANH MỤC ĐỀ TÀI KH&CN, DỰ ÁN SXTN, ĐỀ TÀI KH&CN TIỀM NĂNG CẤP BỘ ĐẶT HÀNG BẮT ĐẦU THỰC HIỆN TỪ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BNN-KHCN ngày tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
A	ĐỀ TÀI KH&CN				
I	Trồng trọt-BVTV				
1.	Nghiên cứu xây dựng quy trình canh tác tuần hoàn trong hệ thống sản xuất lúa tại vùng đồng bằng sông Hồng	Xây dựng được quy trình canh tác tuần hoàn trong hệ thống sản xuất lúa nhằm tăng hiệu quả kinh tế và giảm phát thải khí nhà kính tại vùng đồng bằng sông Hồng	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo tổng quan hiện trạng sử dụng phế phụ phẩm trong hệ thống sản xuất lúa tại vùng đồng bằng sông Hồng.- Quy trình canh tác tuần hoàn cho hệ thống cây trồng trong hệ thống sản xuất lúa giảm phát thải khí nhà kính tối thiểu 15% (được công nhận tiến bộ kỹ thuật).- Báo cáo kết quả thử nghiệm trình diễn quy trình trong hệ thống sản xuất lúa tại đồng bằng sông Hồng (tăng hiệu quả kinh tế ít nhất 20% và giảm phát thải khí nhà kính tối thiểu 15%).	2025-2027	Tuyển chọn
II	Chăn nuôi				
2.	Nghiên cứu giải pháp giảm protein thô trong khẩu phần ăn cho lợn nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.	Đưa ra được mức giảm protein thô phù hợp trong khẩu phần ăn cho lợn, không ảnh hưởng đến năng suất và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo thực trạng mức protein thô và axit amin trong khẩu phần chăn nuôi lợn ở Việt Nam.- Mức protein thô trong khẩu phần ăn cho lợn giảm tối thiểu 1% và cân đối các axit amin, không ảnh hưởng đến năng suất, giảm phát thải khí nhà kính (CH₄, CO₂ và N₂O).- Báo cáo hiệu quả kinh tế về mức giảm protein thô trong khẩu phần, cân đối axit amin, giảm phát thải khí gây mùi và khí nhà kính.- Mức protein thô giảm trong khẩu phần ăn cho lợn được công nhận TBKT.	2025-2027	Tuyển chọn
VI	Thủy sản				
3.	Nghiên cứu xác định nguyên nhân, tình hình lưu hành và đề xuất giải pháp phòng chống bệnh mờ đục (Translucent PostLarva Disease-TPD), tình hình lưu hành bệnh ở tôm giống nước lợ và đưa ra giải pháp phòng chống bệnh.	Xác định được nguyên nhân gây bệnh mờ đục (Translucent PostLarva Disease-TPD), tình hình lưu hành bệnh ở tôm giống nước lợ và đưa ra giải pháp phòng chống bệnh.	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo xác định tác nhân, đặc điểm của tác nhân gây bệnh, dịch tễ học của bệnh và các yếu tố nguy cơ liên quan đến bệnh.- Báo cáo tình hình lưu hành bệnh.- Đề xuất các giải pháp quản lý và kỹ thuật trong kiểm soát và phòng chống dịch bệnh.- Kết quả (báo cáo, đề xuất) được cơ quan quản lý áp dụng, chấp nhận.	2025-6/2026	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
	<i>Disease-TPD</i>) trên tôm giống nước lợ				
4.	Nghiên cứu sản xuất thức ăn nhân tạo nuôi rươi (<i>Tylorrhynchus heterochaetus</i>) thương phẩm	Sản xuất được thức ăn nhân tạo phục vụ phát triển nghề nuôi rươi thương phẩm.	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo xác định nhu cầu Protein của rươi trong giai đoạn tăng trưởng và phát dục. - Công thức thức ăn cho giai đoạn nuôi tăng trưởng và phát dục (dạng chìm, độ ẩm <11%, độ bền trong nước > 24h ...). - Quy trình sản xuất thức ăn nhân tạo nuôi rươi: dạng chìm, độ ẩm <11%, quy mô $\geq 500\text{kg/m}^2$. - Quy trình công nghệ nuôi rươi thương phẩm bằng thức ăn nhân tạo: tỷ lệ sống $\geq 60\%$; tỷ lệ thành thực $\geq 80\%$; kích cỡ thu hoạch ≤ 650 con/kg; năng suất $\geq 1,5$ tấn/ha/vụ; FCR ≤ 2; thời gian nuôi ≤ 8 tháng, an toàn VSTP. - Mô hình sản xuất thức ăn nhân tạo nuôi rươi thương phẩm phù hợp sản xuất nông hộ, quy mô $\geq 500\text{kg/m}^2$. - Tiêu chuẩn cơ sở về thức ăn nhân tạo nuôi rươi. 	2025-2027	Tuyển chọn
5.	Nghiên cứu ứng dụng, cải tiến hệ thống trang thiết bị cơ giới hóa hoạt động khai thác của đội tàu lưới rê hỗn hợp	Cơ giới hóa, hiện đại hóa quy trình khai thác của đội tàu lưới rê hỗn hợp nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế, an toàn lao động; cải thiện điều kiện làm việc trên tàu; giảm số lượng lao động và chi phí sản xuất.	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ thiết kế và sơ đồ bố trí, lắp đặt hệ thống trang thiết bị đồng bộ, cơ giới hóa trên đội tàu lưới rê hỗn hợp khai thác vùng khơi: <ul style="list-style-type: none"> + Hệ thống tời thủy lực thu lưới (lực kéo tối thiểu 5 tấn, tốc độ thu lưới tối thiểu 0,42 m/s, dễ sử dụng,...); + Hệ thống nâng hạ lưới (tải trọng tối thiểu 3 tấn); + Hệ thống lái tự động (tối thiểu 4 chế độ lái, lưu điểm tối thiểu 20 điểm); + Hệ thống bơm hút cá phù hợp với điều kiện khai thác ở vùng khơi. - Quy trình công nghệ khai thác bằng hệ thống trang thiết bị đồng bộ trên tàu lưới rê hỗn hợp khai thác vùng khơi: giảm 20% số lượng lao động, tăng năng suất lao động 20%, tăng hiệu quả kinh tế $\geq 7\%$ và đảm bảo an toàn lao động. - Mô hình thực nghiệm ứng dụng hệ thống trang thiết bị khai thác đồng bộ trên tàu lưới rê hỗn hợp khai thác vùng khơi đồng bộ và đảm bảo hiệu quả kinh tế $\geq 7\%$. 	2025-2027	Tuyển chọn
VII	Thủy lợi - Phòng chống thiên tai				
6.	Nghiên cứu giải pháp khoa học	- Đánh giá được nhu cầu và tiềm năng phát triển	- Báo cáo đánh giá nhu cầu phát triển nguồn nước phân tán quy mô nhỏ tại các địa bàn khó khăn về nước khu vực Tây nguyên.	2025-2027	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
	công nghệ tạo nguồn nước quy mô nhỏ cấp cho sinh hoạt và sản xuất trong mùa khô khu vực Tây Nguyên	<p>nguồn nước phân tán quy mô nhỏ tại các địa bàn khó khăn về nước khu vực Tây nguyên.</p> <p>- Đề xuất được các giải pháp, công nghệ tạo nguồn quy mô nhỏ phù hợp với điều kiện khu vực, có khả năng nhân rộng tại các địa bàn khó khăn về nước khu vực Tây Nguyên.</p> <p>- Áp dụng kết quả nghiên cứu để thiết kế, xây dựng 01 mô hình thử nghiệm.</p>	<p>- Báo cáo cơ sở khoa học, tiềm năng phát triển nguồn nước quy mô nhỏ, cấp nước sinh hoạt và sản xuất cho từng vùng, miền khu vực Tây Nguyên.</p> <p>- Đề xuất các giải pháp, công nghệ tạo nguồn quy mô nhỏ (sử dụng hiệu quả nước từ các công trình hiện có; phát triển mới hệ thống công trình thu trữ nước quy mô nhỏ,...) phù hợp với điều kiện khu vực, có khả năng nhân rộng tại các địa bàn khó khăn về nước khu vực Tây Nguyên. <i>(được chuyển giao cho địa phương để ứng dụng).</i></p> <p>- Xây dựng 01 mô hình thử nghiệm giải pháp công nghệ tạo nguồn cấp nước cây công nghiệp/ăn quả (quy mô cấp nước tưới 3-5 ha/mô hình).</p> <p>- Hướng dẫn kỹ thuật thiết kế, thi công công nghệ tạo nguồn cấp nước sinh hoạt và sản xuất vùng Tây Nguyên <i>(được chuyển giao cho địa phương để ứng dụng).</i></p>		
B	ĐỀ TÀI KH&CN TIỀM NĂNG				
I	Cơ điện và CNSTH				
1.	Nghiên cứu bước đầu xây dựng quy trình sơ chế, bảo quản Cát sâm (<i>Millettia speciosa</i> Champ.) của Việt Nam	<p>- Đề xuất được quy trình công nghệ sơ chế và bảo quản hoa, củ Cát sâm tươi.</p> <p>- Đề xuất được quy trình công nghệ tách chiết cao Cát sâm từ củ Cát sâm khô, quy mô phòng thí nghiệm</p>	<p>- Báo cáo đánh giá một số thành phần hóa học chính của hoa, củ Cát sâm tươi: Saponin tổng số, Alkaloid, polyphenol, Maackiain và các chỉ tiêu về ATTP (các chỉ tiêu về độc tố vi nấm và các kim loại nặng)</p> <p>- Báo cáo đề xuất các quy trình công nghệ: Sơ chế, bảo quản hoa Cát sâm tươi (công suất 10kg nguyên liệu /mẻ); Sơ chế, bảo quản củ Cát sâm tươi (công suất 10kg nguyên liệu/mẻ).</p> <p>- Báo cáo đề xuất quy trình công nghệ tách chiết cao Cát sâm từ củ khô, quy mô phòng thí nghiệm (công suất 1kg nguyên liệu /mẻ).</p> <p>- 01 bài báo khoa học được đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành.</p>	01/ 2025 - 6/ 2026	Tuyển chọn